TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2023/DS-ST
Ngày: 15-12-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Bi.

Ông Nguyễn Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Thư ký Tòa án hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông mở phiên tòa bằng hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang và Điểm cầu thành phần tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Phú Tân, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, để xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số: 108/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1968 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:

Do là chỗ quen biết nên giữa bà T và bà Trần Thị Kim A phát sinh việc vay tiền và tham gia hụi, bà A còn nợ lại bà T một khoản tiền chưa thanh toán. Thời gian cụ thể của từng khoản vay và từng dây hụi bà T không nhớ rõ cụ thể, chỉ

nhớ rằng việc bà T tham gia hụi do bà A làm đầu thảo cách thời điểm khởi kiện khoảng 03 năm và việc bà A vay tiền từ bà T xảy ra sau thời điểm tham gia hụi. Do nợ kéo dài nên đến ngày 13/4/2023, bà T đề nghị bà A viết văn bản xác nhận số tiền còn nợ. Bà A đã ký tên và ghi họ tên vào "Giấy cho mượn tiền" ngày 13/4/2023, thừa nhận có mượn của bà T số tiền 268.000.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi tám triệu đồng),* trong đó bao gồm 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* tiền vay và 168.000.000 đồng *(Một trăm sáu mươi tám triệu đồng)* tiền hụi. Đồng thời, hai bên có thoả thuận bằng lời nói, bà A sẽ trả cho bà T số tiền trong khoản thời gian 01 tháng kể từ ngày 13/4/2023. Tuy nhiên, bà A vẫn chưa thực hiện.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà A phải trả cho bà T số tiền 268.000.000 đồng, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Kim A trình bày:

Ngày 25/3/2020, bà A có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* và thoả thuận lãi suất 5%/tháng, bà T trả lãi trong khoản thời gian 02 năm và ngưng do không có khả năng. Ngoài ra, bà T còn tham gia 02 dây hụi do bà A làm đầu thảo, thông tin dây hụi cụ thể bà A không nhớ rõ, bà A chỉ nhớ số tiền bà T đóng khi tham gia hụi là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng).* Tổng số tiền bà A nợ bà T chỉ có 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng).* Tuy nhiên, bà A ghi văn bản "Giấy cho mượn tiền" ngày 13/4/2023 thể hiện số tiền 268.000.000 đồng là không chính xác. Bà A thừa nhận có ký vào văn bản ngày 13/4/2023 nhưng do bà T ép buộc. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, bà A chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* cho đến khi dứt nợ.

Ngoài ra, bà A không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà T thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu bà A trả số tiền 150.000.000 đồng và không đồng ý phương án trả dần như bà A đề nghị. Bị đơn bà A giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên toà: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Trần Thị Kim A trả số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*. Xét

thấy số tiền bà T yêu cầu tại phiên toà thấp hơn so với yêu cầu khởi kiện ban đầu của bà T. Do đó việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị T:

[3.1] Về số tiền phải thực hiện thanh toán: Bà T yêu cầu bà A phải trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* xuất phát từ giao dịch vay và giao dịch hụi. Bà T không còn lưu giữ bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện cụ thể thông tin giao dịch vay và hụi giữa hai bên. Bà T trình bày vào ngày 13/4/2023, giữa hai bên đã xác nhận lại số tiền bà A còn nợ, đồng thời bà T cung cấp 01 bản chính văn bản có tiêu đề "Giấy cho mượn tiền" và văn bản này được xác lập vào ngày 13/4/2023 với nội dung *"Hôm nay 13-4-2023 ấp P – xã P – huyện T – TG. Bên A: Huỳnh Thị T, SN 1965 ấp P – P – T – TG. Bên B: Trần Thị Kim A, SN 1968, chổ ở hiện nay ấp P – xã P – T – TG. Số tiền cho mượn: 268.000.000 Hai trăm sáu mươi tám triệu"*. Tại mục "Bên mượn" có chữ ký và chữ viết mang tên "ánh Trần Thị Kim A". Bà A thừa nhận giữa bà và bà T có phát sinh việc vay mượn tiền và tham gia hụi và thừa nhận nội dung trong văn bản ngày 13/4/2023, đồng thời thừa nhận chữ ký và chữ viết mang tên Trần Thị Kim A trong văn bản do bà T cung cấp đúng là chữ ký, chữ viết của bà A. Bên cạnh đó, bà A còn cho rằng bà chỉ nợ bà T số tiền 150.000.000 đồng và bà T đã ép buộc bà ký tên vào văn bản với số nợ 268.000.000 đồng. Mặc dù vậy, tại phiên toà bà T đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà T và bà A cùng thống nhất số tiền bà A còn nợ bà T chỉ có 150.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch dân sự về hụi và vay tài sản giữa bà T và bà A là có thật. Bà T yêu cầu bà A trả số tiền còn nợ 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)* là có cơ sở theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà A yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* cho đến khi hết nợ 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng)*, nhưng không được bà T đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà A chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc bà T yêu cầu bà A thực hiện việc trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 278 Bộ luật Dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về lãi và lãi suất: Xét thấy lãi suất hai bên thoả thuận khi vay 5%/tháng là cao hơn so với mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà A cho rằng bà đã thực hiện việc trả lãi theo mức lãi suất này trong khoản thời gian 02 năm kể từ ngày 25/3/2020 nhưng không được bà T thừa nhận, đồng thời bà A không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho số tiền lãi đã trả. Mặc dù vậy, bà T không có yêu cầu bà A thực hiện việc thanh toán lãi

và bà A không có yêu cầu đối với số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí bà A phải nộp được xác định: 150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, Điều 357, Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Trần Thị Kim A có nghĩa vụ trả cho Huỳnh Thị T số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng),* thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Hoàn lại cho bà Huỳnh Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.700.000 đồng *(Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008693 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Bà Trần Thị Kim A phải nộp 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm